

Bản án số: 53/2022/HNGĐ - ST

Ngày 15 - 9 - 2022

V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Quang Khải

Bà: Bạc Thị Kiên

Thư ký phiên tòa: Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 15/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2022/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **54/2022/QĐST - HNGĐ** ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị M. Sinh năm 1986

Địa chỉ: Bản Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn N. Sinh năm 1985

Địa chỉ: Bản X, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

(Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lò Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò Văn N kết hôn với nhau vào ngày 28/7/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị và anh Nam kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, chị và anh N chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N sử dụng chất ma túy. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2009 cho đến nay không còn đi lại và quan tâm đến nhau nữa. Chị M nhận thấy tình cảm giữa chị và anh Nam không còn, cuộc sống chung không có

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với Lò Văn N.

Về con chung: Chị Lò Thị M và anh Lò Văn N không có con chung.

Về tài sản:

- Tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng: Chị M khai không có.
- Tài sản chung: Chị M khai chị và anh N có tài sản chung gồm 08 cái chăn; 08 cái đệm; 12 sải vải đỏ; 12 sải vải trắng. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 13 tháng 5 năm 2022 bị đơn anh Lò Văn Nam trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M có tìm hiểu và đồng ý kết hôn tại xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Anh chị phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau nên đã cãi cọ nhau. Chị M bỏ đi cùng người khác có con. Quan điểm của anh để anh gặp chị M nói chuyện.

Về con chung: Không có.

Về tài sản: Tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng: Anh Nam khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã tiến hành hoà giải, anh Nam vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị Lò Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn N. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Anh N có hộ khẩu thường trú tại bản Xôm, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, Tòa án mở phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, Tòa án mở phiên tòa, anh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238/BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị M và anh Lò Văn N kết hôn với nhau vào ngày 28/7/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N là hôn

nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh N đều khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng không hoà giải được vì lý do anh N vắng mặt thể hiện anh N không có thiện trí hoà giải. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa chị M và anh N là có thật, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị M.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị M và anh Lò Văn N đều khai vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản:

- Tài sản riêng; Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng: Chị M và anh N khai không có.

- Tài sản chung: Chị M khai có tài sản chung nhưng không yêu cầu Toà giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lò Thị M được ly hôn anh Lò Văn N.

2. *Về con chung:* Không có

3. *Về tài sản:*

Tài sản riêng; Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Lò Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004964 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Chị Lò Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lò Thị M và anh Lò Văn N đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh
- VKSND H.ĐB
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Dương sự;
- UBND xã Sam Mứn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Thùy Dương

